

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HS-PT

Ngày: 28 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Bách.

Các Thẩm phán: Ông Cao Thiện Vinh.

Ông Nguyễn Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hán Thị Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 22, 28 - 12 - 2023, tại Phòng xét xử số 02, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 108/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn P do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 143/2023/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN P, sinh năm: 1969 tại tỉnh Ninh Thuận; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Khu phố C, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Hữu D (N - đã chết) và bà Hà Thị L (đã chết); V là: Trương Thị H và 04 người con; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ, T giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Các Luật sư Phạm Thị Thu C, Mai Trung Đ, thuộc Văn phòng L2, Đoàn luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Số A, đường T, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Vợ chồng Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm: 1977 và Bà Trần Thị L1 (C), sinh năm: 1981

Nơi cư trú: Khu phố E, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trương Thị H, sinh năm: 1968

Nơi cư trú: Khu phố C, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Q (N, Chuồn E) - sinh năm 1960

Nơi cư trú: Khu phố D, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Trần V1 - sinh năm 1978

Nơi cư trú: Khu phố E, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Lê Hoàng Q1 - Sinh năm 1990

Nơi cư trú: Khu phố E, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2022, do cần tiền trả nợ ngân hàng và trang trải cuộc sống nên vợ chồng Nguyễn P có ý định bán lô đất bên cạnh nhà mình để lấy tiền. Nguyễn P đã cung cấp thông tin cho Lê Hoàng Q1, Nguyễn Thị Q (những người làm cò đất) để tìm người mua lô đất trên.

Anh Lê Hoàng Q1 và bà Nguyễn Thị Quân giới thiệu vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Trần Thị L1 đến gặp Nguyễn P để mua đất để xây dựng nhà ở.

Ngày 12/7/2022, vợ chồng ông T1, bà L1 đến nhà P để xem đất và thỏa thuận việc mua bán. Tại đây, P chỉ vị trí lô đất muốn bán nằm trong khuôn viên thửa đất mà bị cáo đang quản lý và xây tường rào xung quanh và nói lô đất đang rao bán là đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hai vợ chồng P đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại ngân hàng, hiện không có giấy tờ gì để kiểm tra. Thực tế đây là đất hoang (Hg) và đất nghĩa địa (NĐ), do vợ chồng P lấn chiếm, không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tin vào lời nói của P nên ông T1, bà L1 đã đồng ý mua lô đất. Hai bên lập giấy viết tay với nội dung “Ông Nguyễn P bán cho ông Nguyễn Ngọc T1 01 lô đất

có diện tích 100 mét vuông, kích thước (6mx16,5m), vị trí lô đất được xác định bằng phương pháp Đông Tây tứ cận: “Phía Nam giáp đất ông Nguyễn P, phía Đông giáp đất ông Nguyễn P, phía Tây giáp nhà Nguyễn Phú N, phía Bắc giáp nhà ông Q2” và thỏa thuận dùng lối đi chung; giá mua bán là 325.000.000 đồng.

Sau khi làm giấy tay, vợ chồng ông T1 đã giao đủ số tiền 325.000.000 đồng cho Nguyễn Phúc . Sau khi nhận tiền, P đã dùng số tiền 30.000.000 đồng trong số tiền bán đất đưa cho anh Q1 và bà Q là tiền chênh lệch và tiền công môi giới từ việc bán đất (anh Lê Hoàng Q1 nhận 20.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Q nhận số tiền 10.000.000 đồng).

Sau đó, khi biết P đã lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngân hàng về, ông T1 mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên và liên hệ với Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận để hỏi thủ tục làm hồ sơ sang tên thì được thông báo lô đất mà ông T1 đã mua là đất thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; không thuộc quyền sử dụng của Nguyễn P, đất không được chuyển nhượng, mua bán. Ông T1 đã liên hệ với P trả lại đất, lấy lại tiền nhưng P không đồng ý nên đã có đơn tố giác đến Công an.

Tại Công văn số 1254/CV-CNPRTC ngày 26/9/2022 của Văn phòng Đ1 - Chi nhánh P1 - T xác định: “Trường hợp ông Nguyễn P, bà Trương Thị H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với diện tích 92,6m² thay đổi so với diện tích đất đã đăng ký là 258,7m² đất ODT+CLN. Nguyên nhân quá trình sử dụng ông Nguyễn P lấn chiếm một phần diện tích đất Hg và đất ND, đưa vào sử dụng sau năm 1993, không phù hợp quy hoạch, không được công nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông Nguyễn P chấp nhận trừ phần diện tích lấn chiếm đất Hg và đất ND đưa vào sử dụng sau năm 1993 và đồng ý diện tích 92,6m² đất, cam kết không khiếu nại gì về sau.

Tại biên bản xác minh thực địa ngày 21/02/2017 với sự tham gia của Nguyễn P (*Có ký tên vào biên bản*) thể hiện: “... diện tích thửa đất biên động tăng 166,7m² đất so với diện tích trong bản đồ 299, do quá trình sử dụng ông P lấn chiếm một phần diện tích đất Hg và đất ND, đưa vào sử dụng sau năm 1993, nay không phù hợp quy hoạch, không được công nhận quyền sử dụng đất ... Vợ chồng ông Nguyễn P chấp nhận diện tích 92,6m² đất và không khiếu nại gì về sau”.

Vợ chồng Nguyễn P và Trương Thị H được Ủy ban nhân dân thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC963572 ngày 11/5/2017, đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39 thuộc khu phố C, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; diện tích 92,6m², loại đất ODT. Sơ đồ thửa đất thể hiện diện tích 905,2m² thuộc đất Hg trên BĐ299/Ttg, không thuộc diện tích được công nhận

quyền sử dụng đất.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn P đã bồi thường xong cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T1, bà Trần Thị L1 theo thỏa thuận nên họ không yêu cầu bồi thường gì thêm.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 143/2023/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn P 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù; hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

* *Phần kháng cáo:*

- Ngày 05/10/2023, bị cáo Nguyễn P kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo;

Bị cáo Nguyễn P trình bày: khi bán đất cho vợ chồng anh T1, chị H1 bị cáo nói đất bán nằm trong khuôn viên đất của gia đình được cấp quyền sử dụng đất. Bị cáo đã xây dựng tường rào bằng gạch cao 2m, không có ai tranh chấp nên bị cáo bán cho vợ chồng anh T1. Sau khi giải chấp tại ngân hàng, bị cáo đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng cho anh T1 mượn. Tuy nhiên, anh T1 không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) nên bị cáo đã có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân phường M giải quyết, bị cáo nhận lại sổ, trả lại tiền cho vợ chồng anh T1 nhưng do chưa trả được tiền nên anh T1 có đơn tố cáo đến Công an. Ngoài ra, đất của bị cáo đã quản lý, sử dụng từ trước năm 1993, khi nhà nước thu hồi đất để làm đường, đã thu hồi 3 m² và cũng đã bồi thường cho bị cáo. Bị cáo không cung cấp thông tin đất đã được cấp sổ để bán đất cho bị hại.

- Bị hại vợ chồng anh T1 chị L1 trình bày: do có nhu cầu mua đất để xây dựng nhà ở nên được bà Q, anh H2 giới thiệu đến gặp Nguyễn P mua đất. Bị cáo P nói đất đã được cấp sổ đỏ nên vợ chồng anh chị mới mua. Khi mua anh chị biết đây là đất nông nghiệp nhưng do ít tiền nên vẫn mua để cất nhà. Khi bị cáo nhận sổ đỏ về, anh chị có mượn đem ra Ủy ban nhân dân phường M hỏi thì được biết đất anh chị mua chưa có sổ, không được xây cất nhà, anh chị đã yêu cầu được trả lại đất nhận lại tiền nhưng bị cáo P không trả nên anh mới có đơn tố cáo đến Công an.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm giải*

quyết vụ án:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn P là đúng chủ thể và đảm bảo thời hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: tại giai đoạn phúc thẩm phát sinh các tài liệu mới như biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân phường M, Quyết định thu hồi bồi thường đất của vợ chồng Nguyễn P và một số lời khai của người liên quan, người làm chứng chưa được thu thập làm rõ. Việc điều tra của cấp sơ thẩm không đầy đủ, chưa làm rõ bản chất của vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Cần làm rõ ý thức chủ quan của bị cáo trong việc chiếm đoạt tài sản.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số: 143/2023/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

** Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến:*

Bị cáo kháng cáo kêu oan. Nhận thức của bị cáo: bị cáo chỉ cung cấp thông tin đất nằm trong khuôn viên nhà của bị cáo đã có sổ đỏ, còn phần đất bán là phần đất nằm trong khuôn viên đất bị cáo đang quản lý. Nguồn gốc đất do bị cáo khai hoang, khi nhà nước thu hồi đất để làm đường bị cáo đã được bồi thường.

Tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân phường M đã giải quyết xong về việc đòi lại sổ đỏ, trả lại tiền vào ngày 6/10/2022. Đây là giao dịch dân sự. Bị cáo đã được niêm yết đất khai hoang năm 1994, bị cáo được tiếp tục sử dụng, đủ điều kiện cấp quyền sử dụng đất.

Cơ quan điều tra chưa xác minh đất có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ý kiến của Ủy ban nhân dân phường không phải là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị hại không có chứng cứ chứng minh bị cáo đưa ra các thông tin gian dối. Người làm chứng Q1, V1 có khách quan không khi là người bà con của bà L1.

Cơ quan điều tra chưa thu thập thông tin 2 người làm chứng là người ký trong giấy tay sang nhượng và lời khai của bà Q. Chưa thu thập bản đồ địa chính, kê khai đăng ký qua các thời kỳ.

Bị cáo có trình độ văn hóa thấp, không rành về hồ sơ cấp quyền sử dụng đất.

Ý chí của vợ chồng ông T1 đến phường để hỏi về xác định nguồn gốc đất chứ không phải hỏi về đất có trong sổ đỏ hay không.

Căn cứ Điều 358 BLTTHS đề nghị Hội đồng xét xử hủy án để điều tra, bổ sung, xét xử lại.

- Luật sư C trình bày ý kiến:

Đồng ý với quan điểm của Luật sư Đ. Bị cáo không có ý thức chiếm đoạt tài sản của bị hại.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Không .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị cáo Nguyễn P kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng Nguyễn Thị Q, Trần V1, Lê Hoàng Q1 dù đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 BLTTHS.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn P thay đổi lời khai so với giai đoạn xét xử sơ thẩm, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cho rằng: bị cáo không đưa các thông tin gian dối là đất đã được cấp quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) khi bán đất cho vợ chồng anh T1, chị L1. Bị cáo không phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Lời khai này khác với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra (BL 88- 99), các lời khai tại phiên tòa sơ thẩm (BL 183 - 194), lời khai của Lê Hoàng Q1 (BL 111- 114), Trần V1 (BL 118 – 121).

Tại giai đoạn phúc thẩm thấy rằng:

- Quá trình điều tra, ngoài lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng về việc bị cáo cung cấp thông tin gian dối là đất của bị cáo đã được cấp quyền sử dụng đất (sổ đỏ) khi thực hiện việc mua bán đất với vợ chồng bị hại, không có chứng cứ nào khác (chứng cứ viết, ghi âm.....) để chứng minh cho việc lừa dối này.

- Giấy viết tay Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 12/7/2022 (BL 61), không có ghi nhận việc đất bán đã có sổ đỏ hay chưa?

Bản thân người làm chứng Trần V1 là người viết giúp giấy tay này cũng không có ghi nhận nội dung đất có sổ đỏ hay chưa trong giấy viết tay nhưng tại các biên bản ghi lời khai (BL 120-121) lại khai báo là: có hỏi việc đất có sổ hay chưa và được bị cáo P trả lời đất đã có sổ.

Cơ quan điều tra không làm rõ mâu thuẫn trong lời khai của ông Trần V1 khi viết giúp giấy tay và khi khai báo tại Cơ quan điều tra.

- Bà Nguyễn Thị Q là người nhận thông tin từ bị cáo Nguyễn P để thực hiện việc

bán đất cho vợ chồng anh T1 chị L1 nhưng quá trình điều tra không thu thập được lời khai của người này.

- Cơ quan điều tra không thu thập các tài liệu là các bản đồ thửa đất, kê khai đất qua các thời kỳ để xác định quyền quản lý, sử dụng đất của bị cáo.

- Tại Công văn 1254/CV-CNPRTC ngày 26/9/2022 (BL 54) ghi nhận: “Phần diện tích đất không được công nhận quyền sử dụng đất sau khi kê khai đăng ký đất đai hiện nay quy chủ ông Nguyễn P đang sử dụng (theo sổ mục kê năm 2017)”.

Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không thu thập ý kiến của Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn P (Ủy ban nhân dân thành phố P – T) đối với phần đất bán cho vợ chồng anh T1 chị L1.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng anh T1, chị L1 khai: biết đất mà Nguyễn P bán là đất nông nghiệp nhưng vẫn đồng ý mua để cất nhà. Như vậy, cần phải xác định việc vợ chồng anh T1 chị L1 sau khi mua đất cần có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm gì? Vợ chồng anh T1 chị L1 đến Ủy ban nhân dân phường hỏi về việc đất có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay là có được phép cất nhà hay không?

- Tại Biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân phường M ngày 06/10/2022 (do Người bào chữa cho bị cáo cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm), thể hiện

Nguyễn Phúc trình bày:“Phần thửa đất mà vợ chồng ông P bán không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ cùng trong thửa đất mà vợ chồng ông P đang quản lý, sử dụng. Trước khi mua ông T1 cũng biết”....

“ Ông T1 đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P và ông P đã nhận giấy chứng nhận QSD. Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày lập biên bản thì gia đình ông P phải trả 300 triệu tại Ủy ban nhân dân phường”

Cơ quan điều tra không làm rõ: khi Ủy ban nhân dân phường M hòa giải đối với khiếu nại của Nguyễn P về việc đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh T1 giữ của bị cáo, vợ chồng anh T1 chị L1 không có ý kiến gì về việc đất bán đã được cấp sổ đỏ hay chưa mà chỉ thỏa thuận việc trả lại sổ nhận lại tiền như đã trích dẫn ở trên..

- Tại các biên bản ghi lời khai ngày 1/11/2022 (BL 91) bị cáo khai: ... “khi bán đất tôi nói với cô đất và vợ chồng ông T1 là đất mà tôi bán là đất của gia đình tôi, chưa làm sổ đất, đất có nằm trong sổ đỏ do vợ chồng tôi đứng tên”...

Tại các biên bản ghi lời khai khác (92-99) bị cáo lại khai: “ tôi giới thiệu và cung cấp thông tin về lô đất cho người môi giới và ông T1 trước khi bán cho ông T1 là lô đất thuộc sở hữu của vợ chồng tôi, được thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích mà tôi bán cho ông T1 không thuộc diện tích đất mà vợ chồng tôi được nhà nước công nhận quyền sử dụng”

Như vậy, giữa lời trình bày tại Ủy ban nhân dân phường M (có trước) và lời khai tại cơ quan điều tra (có sau) và chính trong các lời khai của bị cáo có mâu thuẫn về việc bị cáo xác nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất mà P bán cho ông T1 như Cơ quan điều tra không làm rõ mâu thuẫn này.

- Cơ quan điều tra cũng chưa thu thập, làm rõ việc nhà nước thu hồi, bồi thường đất do hộ Nguyễn P sử dụng để làm đường Hải Thượng Lãn Ông để làm rõ quyền sử dụng đất của hộ Nguyễn P từ năm 2003.

- Mặc khác, tại biên bản làm việc ngày 03/3/2023 (BL 76) vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T1, bà Trần Thị L1 có yêu cầu Nguyễn Thị Q, Lê Hoàng Q1 phải trả lại 30.000.000đ đã nhận từ bị cáo Nguyễn P để bồi thường dân sự.

Thấy rằng: mặc dù về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo Nguyễn P và vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T1, bà Trần Thị L1 đã thỏa thuận, thực hiện xong việc bồi thường. Tuy nhiên, Nguyễn Thị Q, Lê Hoàng Q1 thu lợi bất chính từ giao dịch không được pháp luật công nhận nên cần buộc Nguyễn Thị Q, Lê Hoàng Q1 phải nộp lại, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS.

Như tại giai đoạn sơ thẩm ghi không nhận, làm rõ việc nhận tiền của Nguyễn Thị Q để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy: việc điều tra của cấp sơ thẩm chưa đầy đủ, chưa làm rõ được bản chất của vụ án, ý thức chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Phúc các viện dẫn trên. Cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần hủy toàn bộ bản án, trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố P-T để điều tra bổ sung như ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận và của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn P tại phiên tòa.

[5] Về án phí phúc thẩm: do bản án sơ thẩm bị hủy nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số: 143/2023/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28 - 12 - 2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;
- TAND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (02 bản);
- Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;
- Chi cục THADS thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;
- PV 27;
- Sở Tư pháp (kèm án sơ thẩm);
- Người đã kháng cáo;
- Phòng KTNV-THA; HCTP;
- Lưu: án văn, hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Bách